

2011.12.30

Ms. Nguyen Ngoc Linh

Phone: 84-4.39334571

Email : linhnguyen@phs.vn

Báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam 2011

Tổng quan kinh tế thế giới 2011

Kinh tế thế giới trải qua năm 2011 đầy sóng gió với dấu ấn sâu đậm là cực khủng hoảng kinh tế đã lan rộng trên phạm vi toàn cầu; câu chuyện khủng hoảng kinh tế không còn chỉ ở riêng nước Mỹ mà đã dịch chuyển sang các nước Châu Âu mà cụ thể là các nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu- Eurozone.

Kinh tế Mỹ vẫn đang lao đao, vấn đề trần nợ là mối quan tâm đáng kể của thế giới trong tháng 8.2011. Trước thời điểm ngày 2/8 vừa qua, Quốc hội Mỹ giữ những quan điểm khác nhau về việc nâng mức trần nợ công. Vào thời điểm đó, Chính phủ Mỹ đứng trước nguy cơ không còn khả năng vay nợ nếu Quốc hội không nâng mức trần nợ công lên trên ngưỡng 14,300 tỷ USD trước ngày 2/8. Sau bao nỗ lực đàm phán, đến ngày 1/8, Quốc hội Mỹ đạt được thỏa thuận tạm thời, theo đó, trước mắt sẽ cắt giảm 1,000 tỷ USD chi tiêu trong vòng 10 năm. Tuy nhiên, thỏa thuận này cũng không ngăn được Mỹ bị S&P hạ mức tín nhiệm từ AAA còn AA+ với bản khoản về khả năng giảm thâm hụt ngân sách trong thời gian tới, cũng như những khó khăn trong thị trường tài chính đang chờ nước Mỹ trong năm tới.

Các nước trong khu vực Eurozone đang đối mặt với suy thoái kinh tế trầm trọng, bằng chứng là mức thâm hụt ngân sách ở mức kỷ lục, thanh khoản ngân hàng kém. Vào mùa hè vừa qua, Ireland và Bồ Đào Nha lâm vào cảnh phải cứu trợ tài chính, trong khi Italy và Tây Ban Nha cũng đang đứng trước nguy cơ vỡ nợ.

Theo Cơ quan Ngân hàng châu Âu (EBA), mức thiếu hụt vốn của toàn hệ thống các ngân hàng châu Âu lên tới 114.7 tỷ euro. EBA cho biết, các ngân hàng Hy Lạp thiếu hụt vốn đầu tư khoảng 30 tỷ euro, các ngân hàng Italy là 15.37 tỷ euro, ngân hàng Tây Ban Nha là 26.17 tỷ euro, ngân hàng Đức thiếu hụt 13.1 tỷ euro, ngân hàng Bồ Đào Nha là 6.95 tỷ euro và Pháp là 7.3 tỷ euro. Liên tiếp các mất xích trong nền kinh tế chung Châu Âu bị lung lay không khỏi khiến cho người ta lo ngại về việc tan vỡ khối liên minh này.

Tuy nhiên, sau bao nỗ lực đến ngày 12.12.2011 Liên minh Châu Âu đã tạm tìm ra lối thoát cho mình; đó là “công ước tài chính” về việc sử dụng ngân sách chặt chẽ hơn nhằm tránh lặp lại cuộc khủng hoảng nợ công. EU cũng đã nhất trí cùng đóng góp 270 tỷ USD để IMF có đủ tiền tung ra cứu trợ trong trường hợp một thành viên lớn của Eurozone gặp khó khăn trong việc huy động các nguồn vốn từ thị trường.

Bảng 1: Tăng trưởng GDP thế giới

	Phân phối sản lượng thế giới 2011	2011		2012	
		Dự kiến tăng trưởng GDP	Đóng góp vào tăng trưởng GDP thế giới	Dự kiến tăng trưởng GDP	Đóng góp vào tăng trưởng GDP thế giới
Mỹ	18.60%	1.5	0.3	1.1	0.2
Các nước châu Âu-15*	17.90%	1.5	0.3	1.1	0.2
Nhật	5.60%	-0.5	0	0.7	0
Các nước phát triển khác	8.20%	3.3	0.3	2.5	0.2
Các nền kinh tế đã phát triển	50.30%	1.6	0.8	1.3	0.6
Trung Quốc	15.90%	9.5	1.4	8.7	1.4
Ấn Độ	5.80%	7.8	0.4	7.4	0.4
Các nước Châu Á đang phát triển khác	5.10%	5.1	0.3	2.8	0.1
Châu Mỹ La tinh	7.80%	4.5	0.3	2.9	0.2
Trung đông	4.00%	4.3	0.2	2.3	0.1
Châu Phi	2.70%	4.4	0.1	2.4	0.1
Trung & Đông Âu	3.90%	4	0.2	2.1	0.1
Nga và các nước CSI	4.40%	4.6	0.2	2.8	0.1
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	49.70%	6.4	3.1	5.1	2.5
Thế Giới	100.00%	3.9		3.2	

Source: The Conference Board Global Economic Outlook, November 2011.

Bảng 2: Cán cân thương mại, cán cân thanh toán của các nước trên thế giới

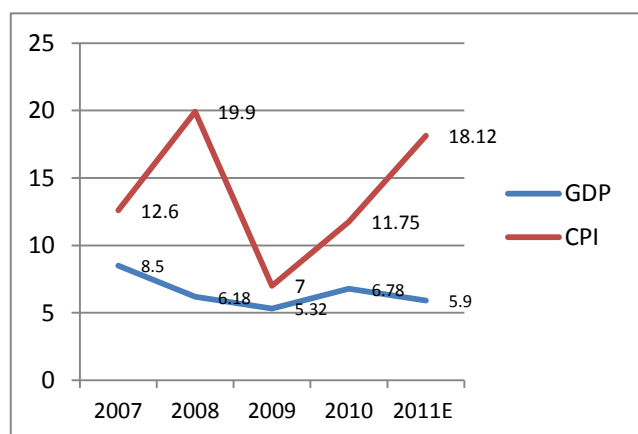
Trade, exchange rates, budget balances and interest rates

	Trade balance*	Current-account balance		Currency units, per \$	Budget balance	Interest rates, %
	latest 12 months, \$bn	latest 12 months, \$bn	% of GDP 2011 ¹	Dec 7th year ago	% of GDP 2011 ¹	3-month latest 10-year gov't bonds, latest
United States	-713.0 Sep	-469.9 Q2	-3.1	—	-9.0	0.14 2.01
China	+162.8 Oct	+259.3 Q3 ¹	+2.9	6.36	6.7	-1.8 5.48 3.57
Japan	+14.7 Sep	+150.0 Sep	+2.3	77.7	84.3	-8.3 0.15 1.03
Britain	-162.8 Sep	-40.9 Q2	-1.5	0.64	0.6	-8.8 1.05 2.23
Canada	-1.6 Sep	-49.7 Q2	-2.7	1.01	1.0	-4.0 0.84 2.16
Euro area	-31.1 Sep	-82.6 Sep	-0.5	0.75	0.8	-4.0 1.47 2.07
Austria	-10.1 Sep	+11.2 Q2	+2.6	0.75	0.8	-3.6 1.47 3.15
Belgium	+12.5 Sep	+7.0 Jun	+1.7	0.75	0.8	-3.8 1.47 4.41
France	-99.3 Oct	-64.5 Q2	-2.4	0.75	0.8	-5.8 1.47 3.21
Germany	+198.3 Sep	+193.7 Sep	+5.2	0.75	0.8	-1.0 1.47 2.10
Greece	-37.6 Sep	-29.9 Sep	-8.4	0.75	0.8	-9.1 1.47 30.3
Italy	-44.3 Sep	-79.0 Sep	-3.7	0.75	0.8	-4.0 1.47 6.45
Netherlands	+57.2 Sep	+66.0 Q2	+7.1	0.75	0.8	-4.2 1.47 2.53
Spain	-67.3 Sep	-56.8 Oct	-3.8	0.75	0.8	-6.5 1.47 5.70
Czech Republic	+9.7 Oct	-7.1 Q2	-3.1	18.9	18.9	-4.6 1.16 3.84
Denmark	+14.0 Sep	+22.1 Sep	+5.7	5.55	5.6	-3.9 1.21 2.00
Hungary	+9.8 Sep	+3.2 Q2	+1.5	225	211	+1.2 6.99 8.61
Norway	+68.4 Oct	+70.2 Q3	+13.6	5.76	6.0	+13.1 3.14 2.43
Poland	-19.5 Sep	-26.5 Sep	-4.8	3.34	3.1	-6.0 4.88 5.87
Russia	+190.4 Oct	+86.3 Q3	+5.0	31.3	31.1	-0.8 6.57 4.73
Sweden	+14.0 Oct	+39.7 Q3	+6.7	6.74	6.9	+0.2 2.70 1.69
Switzerland	+24.7 Oct	+86.1 Q2	+13.3	0.93	1.0	+0.8 0.05 0.79
Turkey	-106.7 Oct	-77.5 Sep	-9.8	1.83	1.5	-1.7 11.1 9.71
Australia	+31.5 Sep	-32.6 Q3	-2.3	0.97	1.0	-2.6 4.63 3.98
Hong Kong	-29.7 Oct	+14.3 Q2	+4.2	7.77	7.8	+1.8 0.33 1.29
India	-124.3 Oct	-46.2 Q2	-3.5	51.7	45.1	-4.9 8.60 8.79
Indonesia	+29.7 Oct	+3.6 Q3	+0.4	9,035	9,020	-1.0 9.67 4.14 ¹
Malaysia	+37.6 Sep	+32.7 Q3	+10.4	3.12	3.1	-5.6 3.23 3.10 ¹
Pakistan	-17.0 Oct	-0.2 Q3	-1.3	89.4	85.7	-5.9 11.7 13.7 ¹
Singapore	+44.6 Oct	+49.2 Q3	+17.7	1.29	1.3	+0.3 0.53 1.66
South Korea	+34.0 Nov	+22.2 Oct	+2.0	1,126	1,146	+1.5 3.55 3.75
Taiwan	+8.2 Oct	+38.6 Q3	+8.0	30.2	30.2	-2.7 1.15 1.30
Thailand	+29.1 Oct	+13.2 Oct	+4.1	30.8	30.1	-2.9 3.27 3.28
Argentina	+9.8 Oct	+1.1 Q2	-0.3	4.28	4.0	-1.4 12.8 na
Brazil	+31.3 Nov	-47.3 Oct	-2.2	1.79	1.7	-2.7 10.9 11.2**
Chile	+12.7 Nov	-1.2 Q3	-0.5	510	477	+0.2 5.88 2.38 ¹
Colombia	+0.7 Sep	-10.6 Q2	-2.7	1,934	1,889	-2.5 4.76 3.57 ¹
Mexico	-1.2 Oct	-10.0 Q2	-1.9	13.5	12.4	-2.5 4.33 6.14
Venezuela	+43.0 Q3	+26.0 Q3	+6.8	5.30	na	-5.1 14.5 6.55 ¹
Egypt	-23.8 Oct	-2.8 Q2	-1.7	6.01	5.8	-10.0 9.10 7.21 ¹
Israel	-14.5 Oct	+2.5 Q2	-0.1	3.75	3.6	-2.8 2.66 3.68
Saudi Arabia	+149.5 2010 ¹	+75.3 2010 ¹	+25.9	3.75	3.8	+14.3 0.73 na
South Africa	-0.4 Oct	-10.7 Q2	-4.1	8.05	6.9	-5.2 5.58 7.77
Estonia	-0.7 Sep	+0.4 Sep	+0.5	0.75	0.8	-0.1 1.47 na
Finland	+3.2 Sep	+2.8 Sep	-0.1	0.75	0.8	-1.7 1.42 2.63
Iceland	+1.0 Oct	-1.0 Q3	-6.2	119	115	-6.1 4.55 na
Ireland	+61.5 Sep	+1.5 Q2	+0.9	0.75	0.8	-10.1 1.47 8.59
Latvia	-2.2 Sep	-0.2 Sep	-0.2	0.52	0.5	-5.4 1.40 na
Lithuania	-3.3 Sep	-0.2 Sep	-2.5	2.58	2.6	-5.5 1.80 na
Luxembourg	-8.1 Sep	+4.2 Q2	na	0.75	0.8	-0.7 1.47 na
New Zealand	+0.4 Oct	-5.6 Q2	-2.7	1.29	1.3	-8.4 2.77 4.01
Peru	+9.0 Sep	-2.3 Q2	-1.8	2.70	2.8	+0.9 4.25 na
Philippines	-10.0 Sep	+8.7 Jun	+2.8	43.3	43.8	-2.0 3.06 na
Portugal	-25.1 Sep	-20.1 Sep	-7.9	0.75	0.8	-6.7 1.47 12.5
Slovakia	+2.0 Sep	-1.1 Sep	-2.5	0.75	0.8	-4.0 1.47 4.77
Slovenia	-2.4 Sep	-0.1 Sep	-0.5	0.75	0.8	-5.0 1.47 na
Ukraine	-11.7 Q2	-8.0 Q3	-5.0	8.01	8.0	-4.2 22.5 na
Vietnam	-10.0 Nov	-3.9 2010	-1.4	21,011	19,499	-5.1 13.5 6.03

*Merchandise trade only. ¹The Economist poll or Economist Intelligence Unit estimate. ²Dollar-denominated bonds. ³Estimate. Sources: National statistics offices and central banks; Bloomberg; Thomson Reuters; CMIE; Hong Kong Monetary Authority; JPMorgan

Source: world economic

Bảng 3: Tăng trưởng GDP & CPI năm 2007-2011



Source: PHS

Tăng trưởng kinh tế Trung quốc và các nước châu Á là điểm sáng trong năm qua, các nhà phân tích dự báo tăng trưởng GDP 2011 của Trung Quốc sẽ là 9.5%. Tuy nhiên Trung Quốc và các nước châu Á có nền kinh tế phụ thuộc vào sản xuất và xuất khẩu, với thị trường trọng tâm là Mỹ và các nước Châu Âu. Do vậy trong năm 2012 khi nền kinh tế các nước phương Tây còn đang nỗ lực từng bước khôi phục thì kinh tế Châu Á cũng khó tránh khỏi bị ảnh hưởng.

Sau sự kiện động đất và sóng thần gây ra khủng hoảng hạt nhân tại Fukushima hồi tháng 3-2011, theo số liệu thống kê quý II, GDP hàng năm của Nhật Bản giảm 2%. Tuy nhiên, sản xuất hàng hóa tăng trưởng nhanh hơn dự đoán và các nỗ lực tái thiết đã khiến GDP hàng năm của Nhật có một bước nhảy vọt 6% trong quý III năm 2011.

Dự báo 2012: Trọng tâm kinh tế trong năm tới sẽ là các nước Châu Á, các nước này sẽ có sự dịch chuyển từ kinh tế xuất khẩu sang xu hướng phục vụ tiêu dùng nội địa do sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và nhu cầu hàng hóa trong nước. Các nước đang phát triển sẽ nắm lấy cơ hội giao thương với nhau để giảm thiểu sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, cũng như trở thành tâm điểm của kinh tế thế giới năm 2012.

Tình hình vĩ mô Việt Nam 2011

Cùng với thế giới Việt nam vừa trải qua một năm khó khăn cho phát triển kinh tế, cụ thể là tăng trưởng GDP ở khoảng 6% trong khi lạm phát cao ở mức 2 con số là 18.12%.

Tăng trưởng GDP 5.9%/năm: Tuy mức tăng trưởng GDP không đạt mức cao như kì vọng nhưng điều đáng ghi nhận là mức tăng trưởng của khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng mạnh. Trong khi đó, các hoạt động trong lĩnh vực xây dựng giảm mạnh do tác động của Nghị quyết 11, điều này giúp kiềm chế bong bóng bất động sản và giảm chi phí đầu vào cao, kiểm soát được cung tiền một cách thỏa đáng. **Tổng GDP năm 2011 khoảng 103 tỷ USD; GDP bình quân đầu người ước đạt 1,160 USD,** Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp sang nhóm nước có thu nhập trung bình.

Top 10 thế giới về lượng kiều hối: Ước tính lượng kiều hối chảy vào Việt nam khoảng 9 tỷ USD theo nguồn chính thức, khoảng 1/10 GDP - đứng trong top 10 những nước nhận được nguồn kiều hối lớn nhất trên thế giới năm vừa qua ; theo Ngân hàng nhà nước ước tính thì nguồn kiều hối không chính thức tương đương 30% con số thống kê được, tức là khoảng 3 tỷ USD nữa. Lượng kiều hối này đóng vai trò tích cực trong cán cân thanh toán năm 2011, cũng như bù đắp thâm hụt ngân sách và phần nào làm tăng lượng dự trữ ngoại tệ quốc gia trong bối cảnh nguồn vốn FDI 2011 sụt giảm. Điều đáng nói là nguồn kiều hối này chủ yếu chảy vào khu vực bất động sản, khoảng 52%, đặc biệt là vào khoảng thời gian cuối năm khi lượng kiều hối chuyển về nhiều hơn do tết cổ truyền và nhu cầu nhà đất cuối năm.

Bảng 4: Tổng sản phẩm trong nước 2011

Bảng 2: Tổng sản phẩm trong nước

	Cơ cấu 2010	Tốc độ tăng trưởng (%)			
		2009	2010	9M-10	9M-11
Tổng số	100	5,3	6,8	6,5	5,8
Nông, lâm, ngư nghiệp	20,6	1,8	2,8	3	2,4
Công nghiệp và xây dựng	41,1	5,5	7,7	7,3	6,6
Công nghiệp	34,1	4,0	7,0	6,6	7
Xây dựng	7,0	11,4	10,1	10,3	4,9
Dịch vụ	38,3	6,6	7,5	7,3	6,2

Source : tổng cục thống kê

Bảng 5: FDI của Việt nam 10 tháng 2011

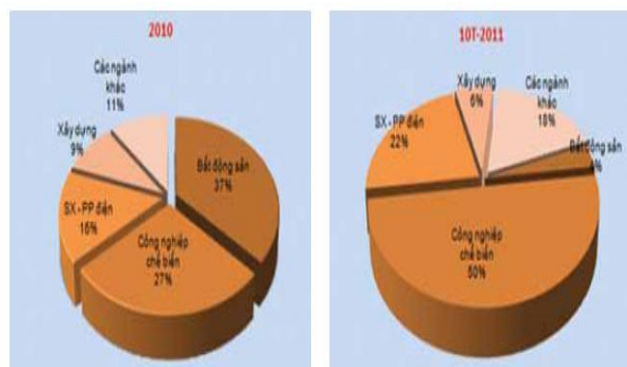
Bảng 3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
(triệu đô-la Mỹ)

	10t-2010	10t-2011	thay đổi %
Vốn thực hiện	9.000	9.100	1,1
Vốn đăng ký	14.412	11.274	-21,8
Mới đăng ký	12.670	8.876	-29,9
Tăng vốn cho các dự án đang thực hiện	1.742	2.398	37,6
Số dự án			
Mới đăng ký	1.067	861	-19,3
Tăng vốn	367	264	-28,1
Xuất khẩu của khu vực có vốn FDI	27.294	37.830	38,6
Nhập khẩu của khu vực có vốn FDI	29.643	38.892	31,2

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Source : bộ kế hoạch đầu tư

Bảng 6: Cơ cấu đầu tư FDI năm 2011



Source : Bộ kế hoạch đầu tư

Để đạt được lượng kiều hối ấn tượng trên cũng một phần do chính sách mở thông thoáng của chính phủ trong năm nay, cũng như việc so sánh mặt bằng lãi xuất gửi ngoại tệ ở Việt Nam là khá hấp dẫn khi đem ra so sánh với các gia trong khu vực khác – lãi xuất gửi USD là 2%; ngoài ra trong khi tình hình đồng Đô la Mỹ đang suy yếu trên toàn cầu, nhưng tại Việt nam chênh lệch giữ đồng nội tệ và đồng USD lại theo chiều hướng có lợi cho người cầm USD . Bên cạnh mặt tích cực, các nhà điều hành chính sách nên sớm có chế tài chặt chẽ để quản lý cũng như sử dụng nguồn kiều hối hiệu quả nhất, tránh việc trôi nổi trên thị trường tự do làm lũng đoạn thị trường ngoại tệ.

Lạm phát ở mức cao so với thế giới: Trong năm qua có thể nói chính phủ đã không thành công trong việc kiểm soát lạm phát gần so với mục tiêu đề ra. Từ mục tiêu ban đầu CPI cả nước năm 2011 là 7%, quốc hội đã điều chỉnh chỉ tiêu vài lần đến 17%/năm nhưng con số thực tế cuối năm vẫn và 18.12%. Tuy nhiên có những dấu hiệu cho thấy chính phủ đang làm tốt công cuộc kiểm soát của mình qua lịch sử tăng trưởng theo từng tháng. CPI chủ yếu tăng cao trong những tháng đầu năm và giảm dần cuối năm. Trong 4 tháng cuối năm, CPI chỉ tăng dưới 1% mỗi tháng và tháng sau thấp hơn tháng trước. Chính vì thế mục tiêu năm 2012 của chính phủ vẫn bên cạnh duy trì ổn định tăng trưởng kinh tế vẫn là tiếp tục kiềm chế lạm phát về dưới 10%.

FDI sụt giảm: Tổng lượng FDI cam kết giảm 22% trong 10 tháng đầu năm 2011 so với cùng kỳ năm trước.

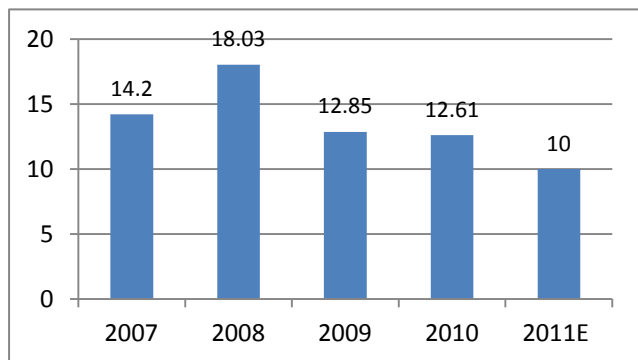
Tín hiệu đáng mừng là xu hướng dịch chuyển đầu tư FDI từ bất động sản đã ưu tiên sang hoạt động sản xuất (bảng 5).

Thâm hụt cán cân thương mại:

Ước tính nhập siêu năm 2011 khoảng 10 tỷ USD. Tính đến tháng 11/2012 tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng ước đạt gần 96 tỷ USD, trong đó doanh nghiệp có vốn trong nước đạt 52.6 tỷ USD. Khối đầu tư nước ngoài đạt 43.5 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng ước khoảng 87 tỷ USD. Mỹ vẫn tiếp tục là thị trường dẫn đầu của xuất khẩu Việt nam, chiếm 19% tổng kim ngạch sau đó là thị trường Châu Âu, các nước Asean, Nhật bản và Trung Quốc .

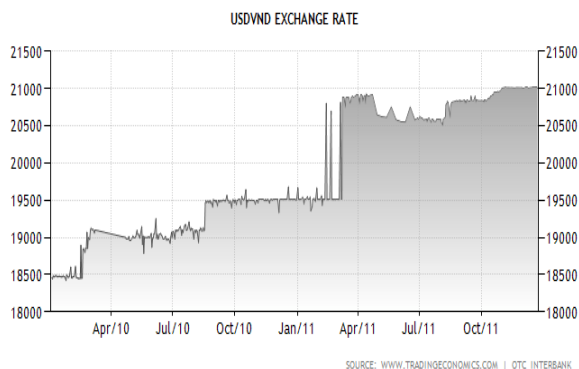
Để thành công trong việc giảm thâm hụt cán cân thương mại năm vừa rồi, bộ công thương thực hiện những hạn chế đối với tăng trưởng nhập khẩu như: ban hành danh sách những hàng hóa không khuyến khích nhập khẩu và áp dụng mức thuế nhập khẩu với các loại hàng hóa này. Hơn nữa diễn biến thuận lợi của giá lương thực thế giới tăng cao phần nào cũng thúc đẩy được xuất khẩu nông sản của nước ta trong năm qua cũng như cải thiện tỷ lệ nghèo ở vùng nông thôn.

Bảng 7: Thâm hụt cán cân thương mại 2007-2011E (tỷ USD)



Source : Tổng cục thống kê

Bảng 8: Tỷ giá VND/USD năm 2011



Source : trading economic

Bảng 9: Diễn biến giá vàng SJC 2010-2011



Source : SJC

Cán cân thanh toán không những không bị thâm hụt mà còn đạt được thặng dư khoảng 3 tỷ USD, trong khi thâm hụt thanh toán năm 2009 là 8.8 tỷ USD và năm 2010 là 3.07 tỷ USD. Nhờ nguồn thặng dư này mà tình hình dự trữ ngoại hối quốc gia năm nay đã bớt căng thẳng hơn.

Nợ công gia tăng :

Tổng số dư nợ công ước tính bằng 57% GDP, trong đó nợ trong nước và nước ngoài của Chính phủ bằng 46% GDP, nợ được Chính phủ bảo lãnh bằng 11% và nợ trái phiếu chính quyền địa phương bằng 0.3% GDP.

Kiểm chế tỷ giá và giá vàng:

Tỷ giá VND/USD: Trong những tháng cuối năm 2011 nhà nước đã ban hành những chính sách mang tính chất kiểm chế tỷ giá, mang lại tâm lý bình ổn cho thị trường, giảm thiểu tính đầu cơ do kiểm chế chợ đen ngoại tệ thành công.

Tính đến hết tháng 11 năm 2011, đồng nội tệ đã bị suy yếu ở mức 7% so với USD. Ngày 26/12, Ngân hàng Nhà nước đã giữ tỷ giá liên ngân hàng ở mức VND 20,828 /USD, cao nhất trong lịch sử.

Giá vàng: Cùng với biến động giá vàng thế giới, giá vàng trong nước cũng có một trời sục sôi động. Trước mối lo ngại về chiến tranh tiền tệ và suy yếu kinh tế của các quốc gia có đồng tiền mạnh trên thế giới, năm 2011 đã chứng kiến các ngân hàng trung ương đua nhau tích trữ vàng. Không chỉ có họ mà làn sóng này cũng lan tỏa với các nhà đầu tư cá nhân châu Á - nơi vốn đã coi việc tích trữ vàng là một việc cần ưu tiên trong khối tài sản của mình .

Cũng chính tâm lý đầu cơ này đã tạo ra làn sóng đầu cơ vàng ở Việt Nam năm vừa qua. Giá vàng đạt mức cao nhất trong lịch sử VND 46.5 triệu/lượng. Giá vàng trong nước đôi khi bỏ xa giá vàng thế giới mà các nhà đầu tư nhỏ lẻ vẫn cam chịu mua vào. Trả lời thì thị trường đã rõ khi nhà nước mạnh tay ra một loạt những chính sách kiểm soát thị trường vàng, giá vàng đã dần đi vào ổn định sát với xu hướng thế giới trong những tháng cuối năm.

Đánh giá kết quả của các chính sách kinh tế:

- Chính sách thắt chặt tiền tệ đã giúp kiểm chế tăng trưởng tín dụng và cung tiền. Tuy nhiên, cần minh bạch thông tin hơn nữa về chiến lược và hướng đi tổng thể của Chính phủ để tránh bất ổn thị trường.
- Nghị quyết 11 –quyết sách đúng đắn trong thời điểm hiện tại và hy vọng chính phủ sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong năm tới.
- Chính sách thông thoáng hơn với kiều bào nước ngoài: có thể đầu tư, mua bất động sản - không hạn chế số lượng tiền, nhận và trả hàng bằng nguyên tệ, thông thoáng trong việc về thăm quê hương, mua nhà ở, đầu tư trong nước.

Bảng 10: Dự báo kinh tế Việt Nam 2012

Chỉ tiêu	2011	2012E
Dân số	87 triệu	87.5 triệu
GDP	103 tỷ USD	106 tỷ USD
Tăng trưởng GDP	5.9%	6.3%
Lạm phát	18.12%	12%
Nhập siêu	10 tỷ USD	11.5 tỷ USD

Source : BTMC

Dự báo 2012:
Thách thức:

- Kiểm chế lạm phát, với mục tiêu của chính phủ đưa lạm phát về 1 con số.
- Kiểm chế nhập siêu bằng cách hạn chế nhập khẩu hàng xa xỉ, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm trong nước và đặc biệt ưu tiên các sản phẩm thuộc nông nghiệp, thủy sản.
- Chú trọng giảm thâm hụt ngân sách và việc tái cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước cũng như hệ thống ngân hàng giúp Việt Nam ổn định kinh tế cũng như gạt hái được thành quả phát triển kinh tế.
- Ưu tiên tìm giải pháp phát triển và cân bằng nhu cầu sử dụng điện cho ngành kinh tế.

Triển vọng và cơ hội:

- Với mục tiêu giảm lạm phát còn một con số, Việt nam phải hy sinh tăng trưởng, song vẫn có giải pháp để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng bằng cách cắt giảm đầu tư công điều chuyển cho khu vực tư nhân phát huy hiệu quả.
- Thực hiện các cam kết gia nhập WTO , năm 2012 Việt nam sẽ chứng kiến rất nhiều thay đổi cũng như sự gia nhập thị trường của các hình thái kinh tế trên thế giới; các doanh nghiệp phải vận dụng nội lực của mình để cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.
- Dự đoán tăng trưởng GDP của Việt nam trong năm 2012 đạt 6.3%; lạm phát 12% .

Analyst Certification

Each research analyst(s), strategist(s) or research associate(s) responsible for the preparation and content of all or any identified portion of this research report hereby certifies that, with respect to each issuer or security or any identified portion of the report with respect to each issuer or security that the research analyst, strategist or research associate covers in this research report, all of the views expressed by that research analyst, strategist or research associate in this research report accurately reflect their personal views about those issuer(s) or securities. Each research analyst(s), strategist(s) or research associate(s) also certify that no part of their compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendation(s) or view(s) expressed by that research analyst, strategist or research associate in this research report.

Disclaimer

This information has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. Phu Hung Securities and its affiliates and their officers and employees may or may not have a position in or with respect to the securities mentioned herein. Phu Hung Securities (or one of its affiliates) may from time to time perform investment banking or other services or solicit investment banking or other business for any company mentioned in this report. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

© **Phu Hung Securities Corporation.**

5th Fl., Lawrence S. Ting Bldg., 801 Nguyen Van Linh St, Tan Phu Ward, Dist 7, HCMC

Tel: (+84-8) 5413-5479 – Fax: +84 8 54135472 Web: www.phs.vn